

Bản án số: 239/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 5 - 2024

V/v: Tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hồ Ngọc Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Bửu Khánh

2. Ông Huỳnh Hoàng Nam.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2024/TLST - HNGĐ, ngày 01 tháng 03 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2024/QĐXX-ST, ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Văn Đ, sinh năm: 1994; địa chỉ: ấp N, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Hồng H, sinh năm: 1992; địa chỉ: ấp N, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/02/2024 nguyên đơn là anh Bùi Văn Đ trình bày:

Anh và vợ là chị Trần Thị Hồng H tự quen biết nhau và tổ chức lễ cưới vào năm 2012, đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 12 năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp tánh tình. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2023 cho đến nay. Về con chung anh chị chung sống có 02 người con chung

là Bùi Huy K, sinh ngày 01/01/2014 và Bùi Khánh P, sinh ngày 28/7/2018 các con đang sống với anh Đ, anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: Không có.

Anh Đ khởi kiện yêu cầu giải quyết cho ly hôn với chị H và yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục 02 con chung.

Bị đơn chị Trần Thị Hồng H có ý kiến:

Về hôn nhân: Chị H đồng ý ly hôn với anh Đ. Về con chung 02 người con chung là Bùi Huy K, sinh ngày 01/01/2014 và Bùi Khánh P, sinh ngày 28/7/2018, chị H đồng ý giao hai con cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng chị không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Chị H với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa, anh Đ, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của anh chị không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh chị và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Đ, chị H theo quy định tại Điều 228 của BLTTDS.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ, chị H chung sống như vợ chồng từ năm 2012 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì anh Đ, chị H không được công nhận là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Anh Đ, chị H chung sống có 02 người con chung là Bùi Huy K, sinh ngày 01/01/2014 và Bùi Khánh P, sinh ngày 28/7/2018. Anh Đ yêu

cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu P, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Tại bản khai và tại phiên hòa giải chị H thống nhất giao cháu H và cháu P cho anh Đ nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, anh Đ có công việc ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con phát triển về thể chất và tinh thần và sự thoả thuận trên của anh chị không vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận người trực tiếp nuôi con của anh Đ và chị H. Đồng thời cũng phù hợp nguyện vọng của các cháu muốn được sống với cha khi cha mẹ ly hôn.

[4]. Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Anh Đ, chị H xác định không có nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận quan hệ giữa anh Bùi Văn Đ và chị Trần Thị Hồng H là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận giữa anh Đ và chị H giao con chung Bùi Huy K, sinh ngày 01/01/2014 và Bùi Khánh P, sinh ngày 28/7/2018 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H được quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu

tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005759 ngày 29/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, nên không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THA DS huyện GR;
- UBND cấp xã nơi đương sự cư trú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hồ Ngọc Luân